**BÀI 1: CÂU CHUYỆN CỦA LỊCH SỬ NS: 01/9/23**

**(12 tiết)**

**MỤC TIÊU CHUNG:**

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ

- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản

- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề

- Học sinh nhận biết được biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương, hiểu được phạm vi tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương trong giao tiếp và trong sáng tác văn học.

- Học sinh viết được bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội đã để lại cho bản thân nhiều suy nghĩ và tình cảm sâu sắc, có dùng yếu tố miêu tả hay biểu cảm hoặc cả hai yếu tố này trong văn bản.

- Học sinh biết trình bày bài giới thiệu ngắn về một cuốn sách

**Tiết 1, 2, 3:GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN;**

**VĂN BẢN 1: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

**(Nguyễn Huy Tưởng)**

**A. MỤC TIÊU:**

- HS nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản

- Học sinh phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề của văn bản

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Lá cờ thêu sáu chữ vàng*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về hình tượng nhân vật Trần Quốc Toản

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản

- HS nhận biết được một số yếu tố của truyện lịch sử như: cốt truyện, bối cảnh, nhân vật, ngôn ngữ

- Biết ơn, tự hào truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- SGK, SGV; một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy tính, ti vi; phiếu học tập

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:** Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung của bài học; tạo cảm xúc tích cực để có tâm thế tiếp nhận bài học.

**b) Tổ chức hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Đi tìm chân dung các thiếu niên anh hùng**

Mỗi hình ảnh và thông tin dưới đây là gợi ý về một thiếu niên anh hùng trong lịch sử dân tộc ta. Hãy quan sát hình ảnh, theo dõi các thông tin và cho biết đó là vị anh hùng nào.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- GV quan sát lắng nghe

- HS quan sách giáo khoa tìm câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**

- HS trình bày sản phẩm cá nhân

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**Bước 4: Đánh giá, nhận định:** *Chúng ta vừa mới đi qua một vài chân dung trong cuộc hành trình đi tìm chân dung các thiếu niên anh hùng. Có biết bao nhiêu những con người được lịch sử ghi lại, được nổi danh, tên đã thành tên đường, tên phố, tên xóm, tên làng và cũng có biết bao nhiêu những người anh hùng khác nữa- những anh hùng thiếu niên vô danh cũng đã ngã xuống, cũng đã cống hiến và hy sinh cho độc lập tự do, cho sự phát triển của đất nước, dân tộc mình. Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu những câu chuyện lịch sử qua bài học này.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**2. 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN**

a) Mục tiêu: HS nắm được những vấn đề chung về tri thức ngữ văn

b) Tổ chức hoạt động:

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS tự đọc phần Tri thức ngữ văn SGK  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 : TÌM HIỀU TRI THỨC NGỮ VĂN**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TRUYỆN LỊCH SỬ** | | | | **Khái niệm** | |  | | **Đặc điểm** | **Bối cảnh** |  | | **Cốt truyện** |  | | **Nhân vật** |  | | **Hình thức** |  | | **Ngôn ngữ** |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét:**  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  ***1) Khái niệm***  *Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định.*  ***2) Đặc điểm***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***TRUYỆN LỊCH SỬ*** | | | | ***Khái niệm*** | |  | | ***Đặc điểm*** | ***Bối cảnh*** |  | | ***Cốt truyện*** |  | | ***Nhân vật*** |  | | ***Hình thức*** |  | | ***Ngôn ngữ*** |  | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **TRUYỆN LỊCH SỬ** | | | | **Khái niệm** | | Truyện lịch sử là tác phẩm truyện tái hiện những sự kiện, nhân vật ở một thời kỳ, giai đoạn lịch sử nhất định. | | **DDặc điểm** | **Bối cảnh** | - Là tình hình chính trị của đất nước, là khung cảnh sinh hoạt của con người... ở thời kỳ lịch sử mà câu chuyện xảy ra.  - Bối cảnh này được tạo nên nhờ **những hiểu biết về lịch sử kết hợp với khả năng hư cấu, tưởng tượng** và cách **miêu tả sinh động** của các nhà văn. Cũng chính điều này đã khiến cho buổi cảnh của một thời đại trong quá khứ trở nên sống động, chân thực như đang diễn ra. | | **Cốt truyện** | Cốt truyện trong truyện lịch sử sẽ dựa trên **hệ thống các sự kiện liên quan đến lịch sử dân tộc** đã xảy ra. Từ đó nhà văn sẽ **tái tạo, hư cấu và sắp xếp chúng theo ý đồ nghệ thuật** của mình để thể hiện chủ đề, tư tưởng nào đó. | | **Nhân vật** | Có thể là những nhân vật lấy **nguyên mẫu từ các nhân vật lịch sử**, cũng có thể do tác giả **hư cấu, sáng tạo nên.** Nhân vật chính thường là các nhân vật nổi tiếng như vua chúa, anh hùng, danh nhân...Tuy vậy, lựa chọn nhân vật nào, xây dựng tính cách nhân vật ra sao lại phụ thuộc vào ý đồ nghệ thuật của nhà văn, thể hiện cái nhìn và cách lý giải riêng của nhà văn về lịch sử. Nhân vật cũng được **đặt trong nhiều vai trò, nhiều mối quan hệ khác nhau**. | | **Hình thức** | Truyện lịch sử có thể viết bằng **văn xuôi** hoặc **văn vần**, **truyện ngắn** hoặc **tiểu thuyết**. | | **Ngôn ngữ** | Vì cần tái hiện bối cảnh cụ thể của một thời đại đã qua nên **ngôn ngữ tác phẩm thường mang đậm sắc thái lịch** **sử**. Sắc thái này thể hiện qua các từ ngữ miêu tả sự vật, nhân vật, qua lời người kể chuyện và lời nói của các nhân vật. | |

**2.2. ĐỌC VĂN BẢN 1: LÁ CỜ THÊU SÁU CHỮ VÀNG**

**(Nguyễn Huy Tưởng)**

**I. Đọc, Tìm hiểu chung:**

**a) Mục tiêu**: HS nắm được những thông tin chung về tác giả, tác phẩm

**b) Tổ chức hoạt động:**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **Đọc sao cho hay:**  Văn bản có dung lượng dài, gồm nhiều nhân vật, nên có thể phân vai, chia đoạn đọc cho sinh động.  Lựa chọn giọng đọc phù hợp với đặc điểm, tính cách cảm xúc của từng nhân vật và linh hoạt với mạch diễn biến của truyện.  **Đọc theo trình tự:** đọc thầm trước=> đọc thành tiếng=> đọc lưu loát văn bản.  **Các chiến lược đọc hiểu**  PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2: **TÌM HIỂU CHUNG**   |  |  | | --- | --- | | **Văn bản:** | | | Tác giả |  | | Xuất xứ |  | | Bố cục |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét:**   * - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.   ***1. Tác giả:*** *Nguyễn Huy Tưởng( 1912-1960) là nhà văn, nhà viết kịch có nhiều sáng tác về đề tài lịch sử, ngợi ca tinh thần yêu nước của dân tộc ta:* ***Đêm hội Long Trì, Vũ Như Tô, An Tư, Bắc Sơn, Lá cờ thêu sáu chữ vàng, Sống mãi với Thủ đô,...***  ***2. Văn bản:*** *“ Lá cờ thêu sáu chữ vàng” là cuốn truyện lịch sử gồm 18 phần. Nhân vật chính của tác phẩm là Trần Quốc Toản, một thiếu niên dòng dõi nhà Trần sớm mồ côi cha. Khi quân Nguyên sang xâm lược, Quốc Toản chưa đến tuổi trưởng thành nên không được vua cùng các vương hầu cho dự bàn việc đánh giặc, chàng trai đã về xin mẹ cho chiêu mộ binh lính, huấn luyện quân sĩ, dựng cờ lớn thêu sáu chữ “Phá cường địch báo hoàng ân”. Quốc Toản xung trận giết giặc anh dũng**chiến đấu và lập được**nhiều chiến công.*  ***Bố cục: 3 phần***  ***Phần 1:*** *từ đầu đến “...sao ta là người gần gụi, quan gia chẳng hỏi một lời?”: Hoàn cảnh và tâm trạng của quốc Toản khi đến bến Bình Than*  ***Phần 2:*** *tiếp theo đến “...Vậy thưởng cho em ta một quả”: Quốc Toản xông xuống thuyền rồng, tỏ bày ước nguyện đánh giặc cứu nước.*   * ***Phần 3:*** *còn lại: Quốc Toản quyết chí chiêu binh mãi mã để cầm quân đi đánh giặc.*   **Tìm hiểu chú thích**  Theo dõi phần cước chú ở chân trang văn bản, đọc nội dung chú thích của các từ ngữ này, sau đó hãy xắp sếp các từ ngữ được chú thích vào ba nhóm nội dung như sau:  + Nhóm các từ chỉ tên gọi, tước vị, cách xưng hô.  + Nhóm các từ chỉ sự vật gắn liền với hoàng gia  + Nhóm cụm từ là thành ngữ, tục ngữ hoặc điển cố |

**II. Khám phá văn bản:**

**a) Mục tiêu**: HS tìm hiểu chi tiết truyện về bối cảnh và cốt truyện

**b) Tổ chức hoạt động:**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 3: Bối cảnh và cốt truyện**   |  |  | | --- | --- | | **Câu 1:** Em hãy cho biết câu chuyện được kể diễn ra trên **bối cảnh sự kiện lịch sử** nào của dân tộc ta?  **Câu 2:** Hãy tìm các chi tiết được dùng để miêu tả quang cảnh và không khí diễn ra hội nghị Bình Than? Em có nhận xét gì về khung cảnh này?  **Câu 3:** Nêu các **sự việc chính** tạo nên cốt truyện cho văn bản **“Lá cờ thêu sáu chữ vàng”?** Em có nhận xét gì **cốt truyện** của văn bản này? |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. **Dự kiến sản phẩm:**  **Câu 1:** Năm 1282, trước dã tâm xâm lược ngày càng trắng trợn của quân Nguyên: sứ giặc nghênh ngang giữa triều đình ta, đòi mượn đường Đại Việt để quân Nguyên tiến xuống phương nam diệt Chiêm Thành.  Nhân dân trong nước một lòng xin đánh giặc giữ nước. Trong hàng ngũ vương hầu, tướng lĩnh của triều đình, vẫn chưa có sự thống nhất về phương hướng chiến lược. Có người chủ kiến, có kẻ chủ hòa.  Vua Trần Nhân Tông tổ chức hội nghị quân sự ở bến Bình Than, họp các vương hầu, bản định chủ trương chiến- hòa, bảo vệ nền độc lập dân tộc. **Hội nghị Bình Than** có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo ra sự thống nhất ý chí trong hoàng tộc, từ đó gây dựng sự đoàn kết, nhất trí làm hạt nhân cho sức mạnh đoàn kết của cả dân tộc, đồng sức đồng lòng đánh giặc.  **Câu 2:** **Khung cảnh tại bến Bình Than:**  + Thuyền của nhà vua cùng các vương hầu tề tựu về bến Bình Than. Cảnh thuyền ngự của nhà vua là thuyền của các đại vương, tiếp đến là thuyền  của các tước vương bậc dưới, rồi đến thuyền của tước hầu, cuối cùng là thuyền của tướng sĩ hộ vệ.  + Thuyền ngự của nhà vua sơn son thiếp vàng, cờ quạt, tàn vàng, tán tía và đồ nghi trượng uy nghiêm. Thuyền của các đại vương sơn đủ các màu, mui thuyền phất phới những lá cờ mang vương hiệu của chủ nhân. “Những lá cờ bay múa trên những đoàn thuyền đẹp như gấm như hoa.”  + Quân Thánh Dực canh gác nghiêm cẩn, không cho kẻ lạ lại gần khu vực bàn bạc việc quân.  + Từ trên bờ, nhìn qua chấn song cửa sổ thuyền rồng, thấy hình ảnh các vương hầu năm cùng nhà vua bàn việc nước. Biết ngoài, những người nội thị quỳ ở mui, dâng trầu cau, dâng trà, dâng thuốc.  **Nhận xét:**  Quang cảnh và không khí trang nghiêm tại bến Bình Than cho thấy nơi đây diễn ra sự kiện có tính chất quan trọng và bí mật, sự kiện này có liên quan mật thiết đến an nguy của đất nước.  Không gian được miêu tả từ bao quát đến cụ thể. Các chi tiết được miêu tả sinh động nhằm giúp người đọc có những hình dung chân thực nhất về không khí của thời đại và sự kiện.  **Câu 3:** **Diễn biến sự việc:**  + Hoài Văn suốt ngày hôm trước dong duổi đi tìm vua, quên không ăn uống. Đến được bến Bình Than, chàng không được cho xuống thuyền tham dự hội nghị với các vương hầu. Đợi suốt từ sớm đến trưa, chàng nóng ruột xô mấy người lính Thánh Dực để xuốngthuyền vua nhưng bị quân lính vây kín.  + Nghe ồn ào, nhà vua cùng các vương hầu đều chú ý đến Hoài Văn. Chiêu Thành Vương (chủ của Hoài Văn) chạy tới khuyên nhủ cháu không được làm càn. Nghe Chiêu Thành Vương nói vẫn có người muốn hòa với giặc, Hoài Văn bất bình, chạy xồng xộc xuống bến tàu vua xin đánh giặc, “cho giặc mượn đường là mất nước”  + Chiêu Quốc Vương vốn là kẻ chủ hòa xin vua chém đầu Hoài Văn “để nghiêm quân lệnh”. Nhà vua ôn tồn nhắc nhở Hoài Văn không được “làm trái phép nước” nhưng cũng ghi nhận tấm lòng của chàng dành cho dân, cho nước nên không trừng trị, lại còn thưởng cho một quả cam trên mâm tiệc.  + Tuy vậy, vì chưa đến tuổi trưởng thành, Hoài Văn vẫn không được tham gia dự bàn việc nước. Chàng vừa hờn vừa tủi, quyết tâm trở về chiêu binh mãi mã để cầm quân đi đánh giặc báo ơn vua, đền nợ nước. Chẳng biết tự lúc nào, quả cam trong tay đã bị Hoài Văn bóp nát.  **Nhận xét về cốt truyện:**  + Cốt truyện được xây dựng dựa trên một sự kiện lịch sử có thật dưới triều Trần- Hội nghị Bình Than. **Đại Việt sử ký toàn thư** có ghi chép về sự kiện này như sau: **“Mùa đông, tháng 10(11/1282), vua ngự ra bến Bình Than, đóng ở** **vụng Trần Xá họp vương hầu bách quan, bàn kế sách công thủ và chia quân đóng giữ những nơi hiểm yếu.”**  **+** Các sự việc trong cốt truyện được trình bày theo trình tự thời gian. Những sự việc ấy được sắp xếp khéo léo để đẩy cao kịch tính, tăng thêm sức hấp dẫn cho câu chuyện. Ban đầu mới chỉ là xô xát giữa Hoài Văn và lính Thánh Dực, sau thành mẫu thuẫn với Chiêu Quốc Vương; từ mối quan hệ giữa anh em, chú cháu trong nhà, trong họ thành hành động “làm loạn phép nước”, vi phạm “quân lệnh” phải tội chém đầu. Sau cùng các mâu thuẫn ấy được hóa giải qua lời khẳng định của nhà vua, vừa có tình, vừa có lí.  + Bên cạnh mạch sự việc, cốt truyện còn có nhiều chi tiết thú vị, sinh động và giàu ý nghĩa. Như chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam vừa thể hiện  tâm hồn trong sáng, bồng bột của chàng thiếu niên, vừa bộc lộ tình yêu nước sâu sắc, tinh thần quyết tâm đánh giặc cứu nước rất đáng được trân trọng và khâm phục.  ***1. Bối cảnh và cốt truyện***  ***a) Bối cảnh lịch sử:***  *+ Quang cảnh và không khí trang nghiêm tại bến Bình Than cho thấy nơi đây diễn ra* ***sự kiện có tính chất quan trọng*** *và bí mật, sự kiện này có liên quan mật thiết đến* ***an nguy của đất nước.***  *+ Không gian được miêu tả* ***từ bao quát đến cụ thể****. Các chi tiết được miêu tả sinh động nhằm giúp người đọc có những hình dung chân thực nhất về không khí của thời đại và sự kiện.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4:** Tìm hiểu nhân vật Trần Quốc Toản (Hoài Văn Hầu)  **Câu 1:** Qua việc đọc văn bản và tìm hiểu chú thích về tác phẩm, em hãy cho biết **lai lịch và xuất thân** của Trần Quốc Toản? Trong văn bản, Trần Quốc Toản đứng trước **tình huống** như thế nào?  **Câu 2:** Em hãy chỉ ra những chi tiết được sử dụng để khắc họa tâm trạng, suy nghĩ, hành động, lời nói của Trần Quốc Toản và có mốc thời gian sau: Khi quan sát hội nghị Bình Than từ trên bờ/Khi quyết xông xuống thuyền vua/Khi lên bờ  Qua việc tìm hiểu về các chi tiết trên, em có nhận xét gì về **đặc điểm tính cách** của nhân vật Trần Quốc Toản?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**-  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Câu 1:**  \***Lịch lai lịch và xuất thân**  - Trần Quốc Toản là vương thất nhà Trần, mang tước Hoài Văn Hầu, cháu của Chiêu Thành Vương.  -> Là thành viên trong hoàng tộc, Quốc Toản có trách nhiệm đóng góp cho hoàng thất, cho triều đình (việc nhà)  - Quốc Toản mồ côi cha, sống với mẹ, tuổi còn niên thiếu (khoảng 15, 16 tuổi) khi giặc Nguyên lăm le xâm lược nước ta.  -> Là dân của một nước, Quốc Toản có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc trước họa ngoại xâm (việc nước)  **\*Tình huống**  Vận nước lâm nguy, Quốc Toản **muốn góp phần dự bàn việc nước**, thể hiện **ý nguyện đánh giặc** bảo vệ tổ quốc. Nhưng chỉ là một chàng thiếu niên, Quốc Toản không được nhà vua cho tham gia bàn bạc việc quốc gia đại sự. Tìm đến tận bến Bình Than nhưng bị quân thánh Dực **ngăn cản** không cho xuống thuyền vua.  **Câu 2:**  **\* Tâm trạng, suy nghĩ của Trần Quốc Toản:**  **- Khi quan sát hội nghị Bình Than từ trên bờ**  + **Thẫn thờ** nhìn cảnh tượng trên bến Bình Than.  + Thấy “nhục nhã” vì phải “đứng rìa” khi chứng kiến thuyền của các vị vương hầu chỉ hơn mình dăm sáu tuổi cũng được dự bàn việc quân.  + Nhìn cảnh các vương hầu cùng nhà vua bàn định việc nước trong thuyền, Quốc **Toản băn khoăn “sao lại phải kéo sát tận đây mà bàn đi bàn lại”** vì câu trả lời với chàng đã rõ ràng, dứt khoát: “chỉ có việc đánh”. Chàng **chỉ muốn xuống thuyền xin vua cho đánh** nhưng cũng ý thức được đó là hành vi phạm thượng, tội nặng đáng phải chém đầu.  + Quốc Toản so sánh mình với những người dân thường áo vải, để nhận thấy họ “còn biết đường phải trái, huống chi ta là bậc tôn thất há lại không nghĩ được như họ sao? Đến họ và quan gia còn hỏi kế, sao ta là người gần gụi, quan gia chẳng hỏi lấy một lời? Càng nghĩ thế, **ruột gan chàng càng nóng như lửa đốt.**  **=>T**âm trạng, suy nghĩ của Trần Quốc Toản: Các chi tiết về tâm trạng, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật cho thấy Quốc Toản là chàng thiếu niên tuy tuổi nhỏ nhưng đã biết quan tâm đến vận nước, biết lo cho an nguy của dân tộc; căm thù giặc sâu sắc; ước mong tha thiết muốn tỏ bày tấm lòng chân thành, sôi nổi, nhiệt huyết của mình để góp vào việc đánh giặc, giữ nước.  **- Khi quyết xông xuống thuyền vua**:  + Hoài Văn hiểu rõ hành động tự ý xông xuống thuyền là trọng tội nhưng chàng vẫn “liều một chết”, “mặc cho triều đình luận tội”. Chỉ mong **được nói to hai tiếng xin đánh** để tỏ rõ tấm lòng và ý kiến của bản thân.  =>Tính chất hành động thì **bồng bột, nông nổi** nhưng mục đích thì **trong sáng, chân thành.+** Chàng xô mấy người lính Thánh Dực ngã chúi”; tuốt gươm mắt trừng điên dại”; “đỏ bừng mặt, quát lớn”, “ vung gươm múa tít” cùng với những lời nói dứt khoát “không buông ra ta chém”, “ lôi thôi thì hãy nhìn luwoix gươm này”.  => Hành động rất mạnh mẽ, quyết đoán, dũng cảm.  **\* Hành động và lời nói của** **Trần Quốc Toản**  **- Trò chuyện với Chiêu Thành Vương:**  **+** Thái độ: cúi đầu thưa -> sự lễ phép tôn kính với bậc trưởng thượng.  **+ Lời nói**: giải thích rõ lí do mình hành động như vậy. Xuất phát từ **tấm lòng trung nghĩa,** muốn chia sẻ nỗi lo với nhà vua (trung), muốn **gánh vác lo toan việc nước** để cứu nguy xã tắc (nghĩa). Vì vậy, biếtlà “mang tội lớn” nhưng vẫn làm.  + Khi nghe nói có người chủ hòa, thái độ của Quốc Toản thay đổi hẳn: “đứng phắt dậy, mắt long lên” rồi “chạy xồng xộc xuống bến, qùy tâu vua mà tiếng nói như thét”. + **Lời nói: “**Ai chủ hòa? Ai chủ hòa? Cho nó mượn đường ư? Không biết đấy là kế giả đồ diệt Quắc của nó đấy sao? Dâng giang sơn gốm vóc này cho giặc hay sao mà lại làm thế?  + **Tiếng nói như thét**: “Xin quan gia cho đánh! Cho giặc mượn đường là mất nước.”   * Hàng loạt câu nghi vấn vừa chất vấn để **vạch trần bộ mặt phản quốc** của phe “chủ hòa” vừa thể hiện một cách trực tiếp, nồng nhiệt **sự bất bình, căm phẫn của Quốc Toản**. * Tiếng thét thể hiện **ước nguyện thiết tha** của một người yêu nước, lo cho vận nước.   **\* Hành động và suy nghĩ của** **Trần Quốc Toản**  **- Khi đã lên bờ**  + Hoài Văn “tức vừa hơn vừa tủi”, “quắc mắt lắm chặt bàn tay lại”, “ bàn tay rung lên vì giận dữ” vì vẫn không dự được dự bàn việc nước, lại nhận những tiếng cười của mấy vị vương hầu chỉ hơn chẳng vài tuổi, cả tiếng cười chế nhạo của đám quân Thánh Dực  + Chàng quyết tâm chiêu binh mãi mã, cầm quân đi đánh giặc để chứng tỏ mình không phải một kẻ “toi cơm”, để “báo được ơn vua”.  + Quả cam trong tay chàng đã **nát bét từ lúc nào**, chỉ còn trơ bã.  => Những suy nghĩ, hành động ấy thể hiện **lòng yêu nước mãnh liệt**, ý chí quyết chiến để báo ơn vua, đền nợ nước nhưng cũng là để thể hiện và **khẳng định giá trị của bản thân mình.** Cách thể hiện tình cảm hồn nhiên nhưng đáng quý, đáng trọng và đáng phục.  ? Nhận xét về nhân vật Trần Quốc Toản?  - Trần Quốc Toản là hình ảnh chàng thiếu niên trẻ tuổi, sinh ra trong cảnh vận nước lâm nguy, đã **sớm biết lo lắng cho giang sơn, xã tắc**, thể hiện **lòng yêu nước** một cách **nồng nhiệt, chân thành** đầy **mạnh mẽ** và **quả cảm**.  - Chính những tình cảm và hành động ấy đã góp phần tạo nên người anh **hùng dũng cảm chiến đấu, giết giặc, lập công dưới lá cờ thêu sáu chữ vàng** trên chiến trường những năm về sau.  - Chân dung nhân vật Trần Quốc Toản cũng là **hình ảnh tiêu biểu trong lớp lớp thiếu niên anh dũng**, cho tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm từ bao đời nay của dân tộc ta.  ? Nhận xét về cách xây dựng nhân vật Trần Quốc Toản?  - Hình tượng Trần Quốc Toản được nhà văn Nguyễn Huy Tưởng xây dựng dựa trên nguyên mẫu anh hùng thiếu niên Trần Quốc Toản trong lịch sử triều Trần. **Đại Việt sử ký toàn** **thư** cùng **Khâm định Việt sử thông giám cương mục** có ghi: vào tháng 10 năm 1282, vua Trần Nhân Tông mở hội nghị Bình Than, cùng quan viên bàn kế chống quân Nguyên. Nhà vua thấy Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, Hoài Nhân Vương Trần Quốc Kiện đều còn trẻ tuổi, không cho dự bàn. Quốc Toản trong lòng hổ thẹn, phẫn khích, tay cầm thanh kiếm, tay kia bóp nát quả cam lúc nào không hay.  - Để hình tượng nhân vật trở nên sinh động và chân thực, tác giả đã **sáng tạo ra các chi tiết miêu tả tâm trạng, suy nghĩ, cảm xúc, hành động** của nhân vật. Đặc biệt, ông còn đặt Trần Quốc Toản trong một **tình huống đầy thử thách** và **các mối quan hệ khác nhau** để tính cách nhân vật được bộc lộ trọn vẹn và trở nên ấn tượng.  ***2. Cuộc yết kiến với vua Thiệu Bảo của Trần Quốc Toản***  *a. Nhân vật Trần Quốc Toản*  *- Trần Quốc Toản là hình ảnh chàng thiếu niên trẻ tuổi, sinh ra trong cảnh vận nước lâm nguy, đã* ***sớm biết lo lắng cho giang sơn, xã tắc****, thể hiện* ***lòng yêu nước*** *một cách* ***nồng nhiệt, chân thành*** *đầy* ***mạnh mẽ*** *và* ***quả cảm****.*  *- Chính những tình cảm và hành động ấy đã góp phần tạo nên người anh* ***hùng dũng cảm chiến đấu, giết giặc, lập công dưới lá cờ thêu sáu chữ vàng*** *trên chiến trường những năm về sau.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV phát phiếu học tập, hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin.  P**HIẾU HỌC TẬP SỐ 5: Tìm hiểu các nhân vật phụ**  **Câu 1:** Chứng kiến hành động và nghe lời tâu bày của Trần Quốc Toản, vua Thiêụ Bảo **có thái độ và cách xử lí** như thế nào? Thái độ vàcách xử lí đócho thấy điều gì ở vị vua này?  **Câu 2:** Nhân vật **Chiêu Thành Vương** đã có những **lời nói** như thế nào trước hành động xông xuống thuyền ngự của Hoài Văn?  **Câu 3:** Thông qua lời nói của **Chiêu Quốc Vương,** em thấy nhân vật này là người như thế nào?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  **Dự kiến sản phẩm:**  **Câu 1:** Nhân vật vua Trần Nhân Tông  **Thái độ của nhà vua:**  Vua Nhân Tông “gật đầu, mỉm cười” bởi lời của Quốc Toản hợp ý vua. Nhà vua tán thành và hài lòng vì Quốc Toản tuổi còn nhỏ mà đã biết lo toan việc nước, có lòng dũng cảm, có trí sáng suốt nhận ra được âm mưu của giặc giả mượn đường mà cướp nước ta.  **Lời nói của nhà vua**:  + “Hoài Văn Hầu làm trái phép nước, tội ấy đáng lẽ không dung. Nhưng Hoài Văn còn trẻ, tình cũng đáng thương, lại biết lo cho vua, trong nước, chí ấy đáng trọng”.  + “Tất cả các vương hầu đến đây đều có phần cam. Chẳng lẽ Hoài Văn lại không được hưởng. Vậy thưởng cho em ta một quả.”  **Về lí:** hành động của Quốc Toản là trái phép nước, tội ấy khó dung-> **đáng trách**. Những hành động ấy thể hiện tấm lòng người biết lo cho vua, cho nước-> **đáng trọng**.  **Về tình:** Quốc Toản tuổi còn trẻ, không tránh khỏi những bồng bột, nông nổi-> **đáng cảm thông**. Tình cảnh (cha mất sớm, thiếu người rèn cặp, dạy dỗ thường xuyên-> **đáng thương**  **Hành động của nhà vua:**  Lấy quả cam ban thưởng cho Quốc Toản (như bao nhiêu vương hầu khác dự hội).=> Hành động vừa thể hiện sự ghi nhận, ngợi khen đồng thời như lời an ủi, động viên, khích lệ với tấm lòng, chí hướng của Quốc Toản.  Vua Nhân Tông là vị minh quân, yêu nước, cũng là người đức độ, bao dung; vừa biết lo toan việc nước vừa thu xếp việc nhà, việc họ để tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết đồng lòng để đánh giặc.  **Câu 2:** **Nhân vật** **Chiêu Thành Vương**  **- Hành động và lời nói:**  + Thay cha nuôi dạy Quốc Toản, bảo ban cháu học, làm những điều trung nghĩa.  + Giải thích cho cháu **phân biệt việc nhà** (xuề xòa, thân mật thế nào cũng được)- việc nước (có tôn ti, phép tắc không thể coi thường), **chỉ cho cháu thấy hậu quả** (không những thân mang tội chết, còn liên luỵ tới mọi người); khuyên cháu làm điều đúng đắn (về quê thăm mẹ)=> Đó là hình ảnh của bậc trưởng thượng trong gia đình, yêu thương quan tâm dạy dỗ thế hệ sau.  **Câu 3:** **Nhân vật** **Chiêu Quốc Vương**  **- Hành động và lời nói:**  + Vốn là kẻ chủ hòa (sau này khi giặc sang xâm lược đã trở thành kẻ phản bội Tổ Quốc), Chiêu Quốc Vương “**sầm nét mặt**” khi nghe Quốc Toản thẳng thắn phê phán phe chủ hòa.  + Đề nghị nhà vua chém đầu Quốc Toản để “**nghiêm quân lệnh**”, trừng trị kẻ **“làm loạn phép nước”.**  => Ích tắc là kẻ lòng dạ hẹp hòi, ích kỷ, sợ hãi trước thế giặc mạnh, chỉ quan tâm bảo toàn lợi ích của bản thân mà không tính tới tồn vong của đất nước của nhân dân của xã tộc. Đó cũng là kẻ gian sảo, mượn việc công để báo thù riêng.  Nhận xét về các nhân vật phụ?  Tuy chỉ là các nhân vật phụ nhưng những nhân vật ấy đều được khắc họa sống động. Chỉ với một vài chi tiết, nhà văn đã làm hiện lên những bức chân dung với địa vị, tính cách, suy nghĩ, hành động, thái độ, cử chỉ rất riêng. Các nhân vật ấy vừa làm sáng tỏ, nổi bật tính cách nhân vật trung tâm đồng thời thể hiện chủ đề, tư tưởng tác phẩm.  ***b) Các nhân vật khác:***  *Nhân vật vua Trần Nhân Tông: Vua Nhân Tông là vị minh quân, yêu nước, cũng là người đức độ, bao dung. Vừa biết lo toan việc nước vừa thu xếp việc nhà, việc họ để tạo ra sự đồng thuận, đoàn kết đồng lòng để đánh giặc*  ***Nhân vật******Chiêu Thành Vương:*** *Đó là hình ảnh của bậc trưởng thượng trong gia đình, yêu thương quan tâm dạy dỗ thế hệ sau.*  ***Nhân vật******Chiêu Quốc Vương:*** *là kẻ lòng dạ hẹp hòi, ích kỷ, sợ hãi trước thế giặc mạnh, chỉ quan tâm bảo toàn lợi ích của bản thân mà không tính tới tồn vong của đất nước của nhân dân của xã tộc. Đó cũng là kẻ gian sảo, mượn việc công để báo thù riêng*  **Bước 1:** **Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhận xét chung về ngôn ngữ trong văn bản?  Văn bản đã sử dụng hệ thống **các từ Hán Việt** để chỉ tứơc vị, cách xưng hô, đồ vật của hoàng thất kết hợp với các **thành ngữ Hán Việt** chỉ điển tích, điển cố. Những ngôn ngữ mang đậm sắc thái cổ xưa này đã góp phần tạo nên bối cảnh trang trọng trong một giai đoạn lịch sử huy hoàng của nhà Trần.  **Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ**  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3:Thảo luận, báo cáo**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Đánh giá, nhận định**  **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  *- Đan xen ý nghĩ của nhân vật với lời kể, khắc họa rõ nét tính cách nhân vật*  *- Ngôn ngữ mang màu sắc lịch sử*  ***2. Nội dung***  *- Ca ngợi tấm lòng yêu nước của người thiếu niên trẻ tuổi Trần Quốc Tuấn*  *- Ca ngợi khí thế hào hùng của nhà Trần và cha ông ta thời kháng chiến chống quân Nguyên* |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

a) Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b) Tổ chức thực hiện:

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV chuyển giao nhiệm vụ:**  Cách đọc hiểu một truyện lịch sử  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **\*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**:**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân    **Bước 4: Nhận định, đánh giá.**  GV chốt kiến thức.  ***Bài tập1 :*** *Qua việc đọc hiểu văn bản “ Lá cờ thêu sáu chữ vảng”, em hãy rút ra phương pháp đọc hiểu một văn bản truyện lịch sử.*  ***Bài 2:*** *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung bài học.* |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

a) Mục tiêu: HS thực hiện bài tập

b) Tổ chức thực hiện:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** Viết đoạn văn (khoảng 7-9 câu) phân tích chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả.

**Gợi ý:**

**Kiểu bài:** phân tích một chi tiết trong tác phẩm văn học.

**Chủ đề đoạn văn:** chi tiết Trần Quốc Toản bóp nát quả cam

**Dung lượng:** 7-9 câu

Đoạn văn có thể gồm có ý như sau:

+ Hoàn cảnh Trần Quốc Toản bóp nát quả cam: sau khi xuống thuyền ngự, bày tỏ quyết tâm đánh giặc với nhà vua, bị từ chối và được nhà vua tặng quả cam.

+ Tâm trạng của Trần Quốc Toản sau khi được tặng cam? Chàng đã có những suy nghĩ, cử chỉ gì?

+ Ý nghĩa của chi tiết nàỳ trong việc khắc họa chân dung nhân vật Trần Quốc Toản?

**Bước 4: Kết luận, đánh giá.**

**PHỤ LỤC**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**Tiết 4: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: BIỆT NGỮ XÃ HỘI NS: 01/9/23**

**A. MỤC TIÊU**

+ Nhận biết và nắm được đặc điểm của biệt ngữ xã hội.

+ Hiểu được phạm vi và tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội trong giao tiếp và trong sáng tác văn chương.

- Chăm chỉ, ham học

- Trách nhiệm: Không lạm dụng biệt ngữ xã hội, luôn có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

**B. THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV; bài tập bổ sung liên quan đến nội dung bài học.

- Máy tính, ti vi; phiếu học tập

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế và định hướng chú ý cho học sinh; tạo vấn đề vào chủ đề

b) Tổ chức hoạt động:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Quan sát các từ được tô đậm trong mỗi cặp câu dưới đây, sau đó hãy cho biết từ nào được hiểu theo nghĩa thông thường, từ nào không hiểu được hiểu theo nghĩa thông thường?

a)

(1) Thực đơn bữa sáng là bắt phở bò nóng hổi ăn cùng **quẩy** vàng ươm.

(2) Vào ngày khai giảng, bên cạnh hình vẽ, các bạn còn được **quẩy** hết mình trong phần hội.

b)

(1)Chiếc bánh **gatô** được trang trí vô cùng sinh động và bắt mắt.

(2) Người ta thắng cũng thắng rồi, mình không nên **gatô** với họ.

c)

(1)**Bão** về, người dân miền Trung lại ở mặt với cảnh mắc màn trời chiếu đất.

(2)Đêm qua mọi ngả đường đều chật kín người đi **bão** khi đội tuyển bóng đá quốc gia giành chiến thắng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:** HS liệt kê

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** HS báo cáo

**Bước 4: Đánh giá nhận xét:** *Ta nhận ra qua 3 ví dụ bên trên ta thấy rằng có những từ được sử dụng rất là quen thuộc trong lời ăn tiếng nói hằng ngày, trong các văn bản được ghi lại và cố định các nét nghĩa ở trong quyển từ điển tiếng Việt . Bên cạnh đó lại có những từ ngữ mới xuất hiện trong kho tàng tiếng Việt, trong ngôn ngữ tiếng Việt, trong lời ăn tiếng nói hằng ngày nhưng nó chỉ được sử dụng ở trong một phạm vi của một không gian nhất định, của một tầng lớp xã hội mà thôi thì những cái từ ngữ đó sẽ tạo ra những nét nghĩa mới cũng rất sinh động – một hiện tượng thú vị của ngôn ngữ . Hiện tượng này được gọi là gì chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về chính các hiện tượng ngôn ngữ thú vị đó ở trong bài học ngày hôm nay.*

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu**: HS nhận biết và xác định đặc điểm của biệt ngữ xã hội

b**) Tổ chức hoạt động:**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 1:**  ? Đọc các đoạn trích sau và giải nghĩa từ in đậm và cho biết các từ ngữ với nghĩa như vậy được sử dụng ở phạm vi nhóm người nào trong xã hội?  a) Rủ nhau **cơm bụi giá bèo**  Yêu nhau theo mốt nhà nghèo vô tư( Nguyễn Duy)  b) Cứ mỗi lần tớ góp ý với nó là nó lại có **thái độ lồi lõm. Hạn hán lời luôn.**  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 1: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**  **+ cơm bụi:** cơm bình dân, rẻ tiền  **+ giá bèo:** giá rất rẻ  ->Các từ này với nghĩa tương ứng như trên chỉ thường dùng trong **phạm vi những người lao động bình dân**, trong **ngôn ngữ nói hằng ngày** của họ.  **Thái độ lồi lõm:** Thái độ không biết điều, thiếu sự lắng nghe, tôn trọng, khiêm tốn....  **Hạn hán lời luôn:** Bất lực, không còn gì để nói, không tìm được từ nào phù hợp để diễn tả điều muốn thể hiện.  => Các từ ngữ này được dùng **chủ yếu trong giới trẻ**, trong **giao tiếp hằng ngày** hoặc trên các **mạng xã hội**.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  ***1. Nhận biết và xác định đặc điểm của biệt ngữ xã hội***  *- Biệt ngữ xã hội là những từ ngữ có đặc điểm riêng (về ngữ âm, ngữ nghĩa) hình thành trên những qui ước riêng của một nhóm người nào đó, do vậy, chỉ sử dụng trong phạm vi hẹp*  *+ Biệt ngữ xã hội có đặc điểm riêng về mặt ngữ âm (các từ chưa có trong từ vựng tiếng Việt).*  *+ Biệt ngữ xã hội cũng có thể là các từ đã có trong vốn từ tiếng việt nhưng được sử dụng với nghĩa khác.*  *+ Do có những đặc điểm khác biệt như vậy, nên khi viết, các biệt ngữ xã hội sẽ được đưa vào dấu ngoặc kép hoặc được in nghiêng và được chú thích về nghĩa.*  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **a**) Giải nghĩa từ in đậm trong câu thơ sau và nhận xét về phạm vi sử dụng và hình thức ngữ âm của các từ ngữu đó.  Anh đi công tử không “**vòm**”  Ngày mai “**kện rệp**” biết “ **mòm**” vào đâu”.  ( Nguyên Hồng)  **b)** Giải nghĩa từ in đậm trong câu sau và nhận xét về nghĩa của từ ngữ đó trong sự so sánh với nghĩa vốn có của từ ngữ( trong từ điển)  “Tớ chỉ nhường tháng này thôi, tháng sau thì tớ cho cậu “**ngửi khói**”.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 1: Báo cáo thảo luận:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**  + **vòm:** là nhà  **+ kện rệp:** là hết gạo  **+ mòm:** là ăn   * Các từ này với nghĩa tương ứng như trên chỉ dùng trong giới giang hồ, bọn lưu manh, trộm cắp đầu thế kỷ 20. * Các từ “**kện rệp**”, “ **mòm**” có hình thức ngữ âm hoàn toàn mới lạ, trong vốn từ tiếng Việt chưa có. Từ “vòm” có trong tiếng việt nhưng mang nghĩa khác   + “**ngửi khói**” nghĩa vốn có: dùng mũi để nhận biết mùi khói.  + “**ngửi khói**”(nghĩa trong câu văn): tụt lại phía sau. =>Nghĩa của từ ngữ trong câu văn đã có sự khác biệt so với nghĩa vốn có của từ ngữ dù hình thức ngữ âm vẫn giống nhau.  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  ? Từ ví dụ chỉ ra đặc điểm của biệt ngữ xã hội?  ***2. Tác dụng và phạm vi sử dụng biệt ngữ xã hội***  *- Đối với nhà văn, việc sử dụng biệp ngữ để miêu tả cuộc sống, sinh hoạt của một nhóm người đặc biệt nào đó đôi khi trở nên cần thiết. Nhờ dùng biệt ngữ, bức tranh cuộc sống của một đối tượng cụ thể trở nên sinh động, chân thực.*  *- Trong cuộc sống hằng ngày, việc dùng biệt ngữ xã hội ở một nhóm người cụ thể góp phần tạo ra phong cách ngôn ngữ sinh hoạt ở nhóm người đó.*  *- Trong giao tiếp thường ngày: nên sử dụng biệt ngữ xã hội một cách hạn chế, phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp cụ thể, phù hợp với các hoàn cảnh nhất định.*  *- Trong văn chương, nhà văn cũng không lạm dụng các biệt ngữ xã hội, để giữ sự trong sáng của tiếng Việt, đảm bảo tính thẩm mỹ và giá trị thông tin tới đông đảo bạn đọc.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **PHÂN TÍCH VÍ DỤ 3:**  **Xác định biệt ngữ xã hội và giải nghĩa của chúng trong các trường hợp sau.**  a) Mình nghĩ là tôi “chém gió” nên cậu ấy không tin.  b) Hắn ta chỉ anh hùng bàn phím thôi chứ thực tế chả làm được gì.  c) Phú ghẻ “nổ” một tràng khiến Cường tắt dài. Nó nghệt mặt một hồi rồi ngẩn ngơ hỏi lại:  - Chẳng lẽ tụi mày đến đây để chơi trò “phá đám”?  ( Nguyễn Nhật Ánh, Trại Hoa vàng)  d)  - Cậu có bít bộ phim “Stand by me Doroeme” không?  - Mình khum.  - Pó tai với cậu, phim đó lớp mình ai cũng xem hết rồi.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh đọc ngữ liệu văn bản.  - HS hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, thảo luận, thống nhất kết quả ghi vào phiếu bài tập.  - GV quan sát, hỗ trợ HS.  **Bước 3: Báo cáo kết quả:**  - HS trình bày kết quả (cá nhân/đại diện nhóm).  **Dự kiến sản phẩm:**   1. Từ “chém gió” là biệt ngữ xã hội.   Từ “chém gió” trong câu trên không được hiểu là hành động vung bàn tay về một phía (thường là vung lên vung xuống) mà được hiểu là: **hành động nói những điều không đúng sự thật, ba hoa, khoác lác.**   1. Từ “anh hùng bàn phím” là biệt ngữ xã hội.   **->** Từ “anh hùng bàn phím” ở trong câu trên được sử dụng với ý nghĩa mỉa mai, chê cười một số người sử dụng mạng xã hội. Họ là những người “giấu mặt” sau màn hình máy tính, bình luận( comment) qua bàn phím, một cách thoải mái, không cần quan tâm vấn đề đó đúng hay sai, bởi họ nghĩ mạng xã hội là thế giới ảo.  **c)** Từ “nổ” , “tắt dài” là biệt ngữ xã hội.  + Từ “nổ” được hiểu là nói nhiều, nói khoác và nói một cách rất hùng hồn về một vấn đề nào đó.  + “tắt dài” là trạng thái ngừng nói đột ngột.  d) Các biệt ngữ xã hội được dùng trong đoạn hội thoại trên là:  + “bít” là cách viết lệch âm chuẩn của “biết  + “khum” là cách viết lệch âm chuẩn của “không”  + “pó tai” là cách viết lệch âm chuẩn của “bó tay”( nghĩa là bất, lực không thể làm gì được )  **Bước 4: Đánh giá nhận xét:**  - HS khác theo dõi, đánh giá, nhận xét, bổ sung.  - GV quan sát, hỗ trợ, tư vấn; nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS, chốt kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới.  ? Từ đó, em thấy biệt ngữ xã hội có tác dụng gì? Phạm vi sử dụng biệt ngữ |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu**: Học sinh vận dụng kiến thức đã học vào làm bài tập.

b**) Tổ chức thực hiện:**

|  |
| --- |
| **Hoạt động của GV và HS** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Chỉ ra biệt ngữ xã hội ở những câu sau và cho biết dựa vào đâu em khẳng định như vậy. Hãy giải nghĩa các biệt ngữ đó.  a. Năm lên sáu, cung thiếu nhi thành phố có cuộc tuyển “gà” khắp các trường tiểu học, tôi cũng được chọn gửi đến lớp năng khiếu.  **(Ngô An Kha, Tìm mảnh ghép thiếu)**  b. Ôn tập cẩn thận đi em. Em cứ *“tủ”* như vậy, không trúng đề thì nguy đấy.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **\* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:**  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Đánh giá, nhận xét.**  GV chôt kiến thức  ***III. Luyện tập.***  ***Bài 1***  *a)*  *+ Biệt ngữ trong câu trên là từ “gà”*  ***+ Dấu hiệu nhận biết****: từ được đưa vào dấu ngoặc kép và nghĩa của từ không giống với nghĩa vốn có của từ ấy*  *+ Giải nghĩa từ “gà” trong câu văn*  *không phải chỉ một loại gia cầm nuôi để lấy thịt hoặc trứng, mà có nghĩa chỉ những người có tố chất tốt, được lựa chọn để đào tạo, huấn luyện chuyên biệt.*  *b.*  *+ Biệt ngữ trong câu trên là từ “tủ”*  ***+ Dấu hiệu nhận biết:*** *từ “tủ”*  *được đưa vào dấu ngoặc kép và nghĩa của từ “tủ” không giống với nghĩa vốn có của từ đó (trong từ điển “tủ” là đồ dùng bằng gỗ, hình hộp đứng, có vách ngăn để cất, chứa đồ đạc).*  *+ Giải nghĩa từ “tủ” trong câu văn có nghĩa là dồn tâm sức học tập, rèn luyện một số kiến thức, kỹ năng cụ thể chứ không đầy đủ, toàn diện theo yêu cầu.*  *Từ “tủ” ở đây là biệt ngữ xã hội bởi theo từ điển, tủ là vật dụng để chứa đồ bên trong. Trong bối cảnh thi cử và ôn tập, tủ là để chỉ việc học sinh không chịu ôn tập kĩ càng tất cả kiến thức cần thiết mà chỉ ôn những phần mà mình nghĩ sẽ thi vào.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  **- GV chuyển giao nhiệm vụ:** Cái việc lơ đễnh rất hữu ý đó, cái chuyện bỏ quên hộp thuốc lào vẫn là một ám hiệu của Cai Xanh dùng tới mỗi lúc đi tìm bạn để “đánh một tiếng bạc lớn” nghĩa là cướp một đám to.  **(**Nguyễn Tuân, Một đám bất đắc chí)  Vì sao ở câu trên, người kể chuyện phải giải thích cụm từ “đánh một tiếng bạc lớn”? Theo em, tác giả dùng cụm từ đó với mục đích gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá**  ***Bài 2:***  *Người kể chuyện phải giải thích cho cụm từ* để “đánh một tiếng bạc lớn” *vì đây là cũng từ chuyên dùng của giới giang hồ, trộm cắp. Người đọc thông thường sẽ không hiểu được hoặc hiểu không đúng nghĩa của cụm từ này.*  *Tác giả dùng cụm từ này với mục đích* ***khắc họa chân dung của nhân vật*** *Cai Xanh- một tay giang hồ táo tợn, dám thực hiện những vụ cướp lớn.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Trong phóng sự Tôi kéo xe của Tam Lang (viết về những người làm nghề kéo xe chở người thời trước Cách mạng tháng Tám năm 1945), có đoạn hội thoại:  *– Mày đã “làm xe” lần nào chưa?*  *– Bẩm, chúng cháu chưa làm bao giờ cả.*  Trong ***Cạm bẫy người*** của Vũ Trọng Phụng – một tác phẩm vạch trần trò gian xảo, bịp bợm của những kẻ đánh bạc trước năm 1945 – có câu: *Tôi rất lấy làm lạ là vì cứ thấy hai con chim mòng thắng trận, ù tràn đi mà nhà đi săn kia đã phí gần hai mươi viên đạn.*  Nêu tác dụng của việc sử dụng biệt ngữ xã hội (in đậm) trong các trường hợp trên. Đọc tác phẩm văn học, gặp những biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  **\*** Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá:**  ***Bài 3***  *+ Các biệt ngữ xã hội đều được dùng trong một nhóm người nhất định.*  *+ Trong phóng sự “ Tôi kéo xe” của Tam Lang, biệt ngữu “ làm xe” được dùng trong nhóm những người lao động nghèo, làm nghề kéo xe.*  *+ “ Làm xe”: làm nghề thuê xe kéo( nhận xe của người cai và phải trả lại xe cùng một khoản thuế vào cuối mỗi ngày).*  *Trong****Cạm bẫy người****của Vũ Trọng Phụng , các biệt ngữ “chim mòng”, “nhà đi săn”, “viên đạn” được dùng trong nhóm những kẻ hành nghề cờ bạc bịp.*  *+ “chim mòng”: Nạn nhân bị bọn lừa bịp đưa vào bẫy để lừa lấy hết tiền.*  *+ “nhà đi săn”: những kẻ lừa đảo, đặt bẫy để lừa gạt người nhẹ dạ tham lam.*  *+ “viên đạn”: tiền kẻ lừa đảo bỏ ra để khơi gợi lòng tham của nạn nhân.*  *-> Nhờ việc sử dụng các biệt ngữ xã hội, tác giả đã khắc họa sống động ngôn ngữ, đặc điểm của các nhân vật cùng với cuộc sống sinh hoạt của họ.*  *Khi đọc tác phẩm văn học, gặp các biệt ngữ như thế, việc đầu tiên cần làm là giải nghĩa của những biệt ngữ này. Có thể tìm hiểu nghĩa của các biệt ngữ bằng những cách sau:*  *+ Tìm hiểu phần chú thích trong tác phẩm, có thể biệt ngữ đó đã được tác giả giải nghĩa.*  *+ Tìm hiểu thông qua hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm và bối cảnh xã hội (không gian, thời gian) được tác giả xây dựng.*  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Chỉ ra biệt ngữ xã hội trong các đoạn hội thoại sau và nhận xét về việc sử dụng biệt ngữ của người nói:  a. – Cậu ấy là bạn con đấy à?  – Đúng rồi, bố. Nó lầy quá bố nhỉ?  b. – Nam, dạo này tớ thấy Hoàng buồn buồn, ít nói. Cậu có biết vì sao không?  – Tớ cũng hem biết vì sao cậu ơi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ:  - GV quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát sách giáo khoa tìm câu trả lời.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  - HS trình bày sản phẩm cá nhân  **Bước 4: Nhận xét, đánh giá.**  ***Bài 4:***  *a) biệt ngữ  “lầy”: chơi không đẹp, chơi xấu*  *=>Trong ngữ cảnh là cuộc trò chuyện của hai bố con, có khoảng cách về tuổi tác. Do vậy, việc dùng biệt ngữ của giới trẻ khi nói chuyện với bố là chưa phù hợp vì có thể bố không hiểu nghĩa của biệt ngữ hoặc không thể hiện sự tôn trọng với bố.*  *b. biệt ngữ  “hem” : không*  *=> Trong ngữ cảnh cuộc trò chuyện của hai người bạn cùng trang lứa, nội dung cuộc trò chuyện là sự việc thường ngày thì việc sử dụng biệt ngữ là phù hợp và được chấp nhận*  . |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu**: HS thực hiện bài tập

**b) Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Giao nhiệm vụ học tập:**  Cùng với sự bùng nổ của những trang mạng xã hội, ngôn ngữ của giới trẻ hiện nay đang có những thay đổi và cập nhật nhanh chóng. Hàng loạt các biệt ngữ(tiếng lóng) được các bạn trẻ sáng tạo và sử dụng phổ biến. Là một người trẻ, em hãy chỉ ra mặt lợi và hại của việc các bạn trẻ sử dụng tiếng lóng hiện nay.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hình thành và triển khai ý tưởng, tư duy độc lập…

**Bước 3: Báo cáo thảo luận:** GV gọi bất kì cá nhân nào trình bày kết quả

Cách tạo tiếng lóng của giới trẻ hiện nay

+ Các bạn học sinh, sinh viên thường sử dụng thử theo kiểu viết tắt, viết ký hiệu, ngôn ngữ “tự chế” nửa tây, nửa ta, nửa chữ, nửa số,... để nhắn tin trên điện thoại hoặc khi dùng mạng xã hội.

+ Ngôn ngữ của giới trẻ đa phần được sáng tạo từ tiếng mẹ đẻ, ngoài ra còn đến từ việc chế từ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc.

**Lợi ích của việc giới trẻ sáng tạo nhiều từ ngữ mới.**

+ Sự ra đời ngôn ngữ của giới trẻ đã góp phần làm phong phú thêm vốn từ của tiếng Việt.

+ Khi các bạn trẻ giao tiếp cùng nhau, sẽ thường xuyên sử dụng tiếng lóng, điều này giúp cho những cuộc trò chuyện trở nên gần gũi, thân thiết, tạo điều kiện cho sự kết nối và hòa nhập.

**Cần sáng tạo và sử đúng mực ngôn ngữ giới trẻ**.

+ Nếu giới trẻ lạm dụng biệt ngữ thì có thể ảnh hưởng đến việc phát triển các kỹ năng, đặc biệt là kỹ năng tạo lập văn bản. Tiếng lóng được sử dụng chủ yếu trong giao tiếp hằng ngày (khẩu ngữ”, khi nó bị dùng tràn lan và quá đà sẽ khiến cho các bạn trẻ loay hoay không biết thể hiện những từ ngữ đó như thế nào trên văn bản (văn viết), điều này sẽ gây ra bất lợi cho quá trình học tập và làm việc.

**Cần sáng tạo và sử dụng đúng mực ngôn ngữ giới trẻ**

+ Sử dụng nhiều tiếng lóng, đặc biệt là các từ pha tạp giữa tiếng Việt với các ngoại ngữ khác sẽ làm mất đi sự trong sáng của tiếng Việt. Điều này cũng gây ra sự khó chịu và khó hiểu khi các bạn trẻ giao tiếp với những người thuộc các nhóm xã hội khác.

**Bước 4: Kết luận, đánh giá.**

**PHỤ LỤC**

Rubic đánh giá hoạt động thảo luận nhóm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |